

Số: 988 /XN-DP

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 1216.18



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : Ys.Luân

Địa điểm lấy mẫu : Xí Nghiệp Cấp Nước KCN An Nghiệp, phường 7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 19/11/2018

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN

Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2

Ngày nhận mẫu : 19/11/2018

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hóa chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014(E) (*)	0	0	20/11/2018
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	20/11/2018
3	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,88	2	20/11/2018
4	Clo dư (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl F-2012	0,36	0,3 - 0,5	19/11/2018
5	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 -Cl ⁻ B - 2012 (*)	162,00	250,00	20/11/2018
6	Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2340C - 2012 (*)	220,00	300,00	20/11/2018
7	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,39	2	20/11/2018
8	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	0,98	15	20/11/2018
9	Mangan tổng số (mg/L)	SMEWW 3500 Mn - B - 2012 (*)	0,07	0,3	20/11/2018
10	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	20/11/2018
11	Nitrate (mg/L)	TCVN 6180- 1996	0,75	50	20/11/2018
12	Nitrite (mg/L)	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ B - 2012 (*)	Không phát hiện	3	20/11/2018
13	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7,72	6,5 - 8,5	20/11/2018
14	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2012	0,04	0,3	20/11/2018
15	Sulphat (mg/L)	SMEWW 427 C - 2012	183,7	250	20/11/2018

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Mã số mẫu: 1216.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
-----	----------	-------------	---------	------------	-----------------

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

CN. HỨA THUỶ NGÂN

Sóc Trăng, ngày 30 tháng 11 năm 2018

K. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



BS. CKII. Võ Quang Hà

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliform tổng số (CFU/100ml)	ISO 9308 - 1:2014 (B) (*)	0	0	30/11/2018
2	E. coli tổng số (CFU/100ml)	ISO 9308 - 1:2014 (B) (*)	0	0	30/11/2018
3	Chỉ số Bacteriological (mg/L)	TCVN 6180-1:1996 (*)	0.88	3	30/11/2018
4	Chloride (mg/L)	SM/WW 4500 - Cl - F-2012	0.36	0.3 - 0.5	19/11/2018
5	Glucose (mg/L)	SM/WW 4500 - Cl - B-2012 (*)	165.00	350.00	30/11/2018
6	Độ cứng tổng cộng tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SM/WW 2310C - 2012 (*)	320.00	300.00	30/11/2018
7	Độ đục (NTU)	SM/WW 2130B - 2012	0.39	2	30/11/2018
8	Độ mặn (mặn sắc) (TCU)	SM/WW 2120C - 2012 (*)	0.98	12	30/11/2018
9	Mangan tổng số (mg/L)	SM/WW 3500 Mn - B-2012 (*)	0.07	0.3	30/11/2018
10	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	30/11/2018
11	Nitrate (mg/L)	TCVN 6180-1:1996	0.75	30	30/11/2018
12	Nitrite (mg/L)	SM/WW 4500 - NO ₂ - B-2012 (*)	Không phát hiện	3	30/11/2018
13	pH	TCVN 6493:2011 (*)	7.75	6.5 - 8.5	30/11/2018
14	Sắt tổng cộng (mg/L)	SM/WW 3500 Fe - B-2012	0.04	0.3	30/11/2018
15	Sulfat (mg/L)	SM/WW 452 C - 2012	183.7	320	30/11/2018

Số: 989 /XN-DP

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 1217.18



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : Ys. Luân

Địa điểm lấy mẫu : Trạm giếng 3, KCN An Nghiệp, phường 7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 19/11/2018

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN

Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2

Ngày nhận mẫu : 19/11/2018

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hóa chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014(E) (*)	0	0	20/11/2018
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	20/11/2018
3	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,48	2	20/11/2018
4	Clo dư (mg/L)	SMEWW 4500 - CI F-2012	0,32	0,3 - 0,5	19/11/2018
5	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 -CI ⁻ B - 2012 (*)	164,00	250,00	20/11/2018
6	Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2340C - 2012 (*)	220,00	300,00	20/11/2018
7	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,43	2	20/11/2018
8	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	0,89	15	20/11/2018
9	Mangan tổng số (mg/L)	SMEWW 3500 Mn - B - 2012 (*)	Không phát hiện	0,3	20/11/2018
10	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	20/11/2018
11	Nitrate (mg/L)	TCVN 6180- 1996	0,45	50	20/11/2018
12	Nitrite (mg/L)	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ B - 2012 (*)	Không phát hiện	3	20/11/2018
13	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7,76	6,5 - 8,5	20/11/2018
14	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2012	0,03	0,3	20/11/2018
15	Sulphat (mg/L)	SMEWW 427 C - 2012	179,1	250	20/11/2018

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Mã số mẫu: 1217.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
-----	----------	-------------	---------	------------	-----------------

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

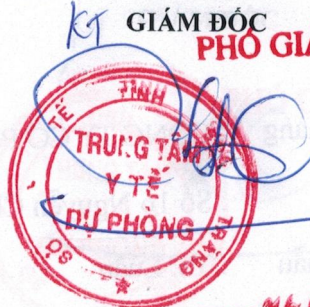
P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

CN. HỨA THUỶ NGÂN

Sóc Trăng, ngày 30 tháng 11 năm 2018

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



BS. CKII. Võ Quang Hà

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliform tổng số (CFU/100ml)	ISO 9308 - 1:2014 (B) (*)	0	0	30/11/2018
2	Escherichia coli (E. coli) (CFU/100ml)	ISO 9308 - 1:2014 (B) (*)	0	0	30/11/2018
3	Chỉ số manganat (mg/L)	TCVN 6180-1:2006 (*)	0,48	2	30/11/2018
4	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl- 2012	0,32	0,3 - 0,5	30/11/2018
5	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl- 2012	164,00	250,00	30/11/2018
6	Bộ cứng tổng cộng tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2310C - 2012 (*)	230,00	300,00	30/11/2018
7	Bộ độ (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,43	2	30/11/2018
8	Bộ màu (gồm sắt) (PCU)	SMEWW 2130C - 2012 (*)	0,89	15	30/11/2018
9	Mangan tổng số (mg/L)	SMEWW 3500 Mn - B - 2012 (*)	Không phát hiện	0,3	30/11/2018
10	Ami ni	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ		30/11/2018
11	Nitrat (mg/L)	TCVN 6180-1:2006 (*)	0,15	50	30/11/2018
12	Nitrit (mg/L)	SMEWW 4500 - NO ₂ -B - 2012 (*)	Không phát hiện	3	30/11/2018
13	ph	TCVN 6423:2011 (*)	7,36	6,5 - 8,5	30/11/2018
14	Bộ cứng tổng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2012	0,03	0,3	30/11/2018
15	Sulphat (mg/L)	SMEWW 452C - 2012	179,1	250	30/11/2018